

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP \* KHOÁ K16KTR  
MÔN : ĐẠI CƯƠNG MỸ HỌC \* SỐ TÍN CHỈ : 03

MÃ MÔN : AES 251  
Học kỳ : 9  
Lần thi : 2

Thời gian : 18h00 - 25/01/2015

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | LỚP    | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP |    |    |     |     |     |     |    |     |     | ĐIỂM T. KẾT |               | GHI CHÚ |
|-----|--------------|------------------|--------|-------------------------------|----|----|-----|-----|-----|-----|----|-----|-----|-------------|---------------|---------|
|     |              |                  |        | A                             | P  | Q  | H   | L   | M   | I   | G  | F   | SỐ  | CHỮ         |               |         |
|     |              |                  |        | 0%                            | 0% | 0% | 15% | 15% | 15% | 0%  | 0% | 55% |     |             |               |         |
| 1   | 152232804    | Lê Quốc          | Việt   | K15KTR5                       |    |    |     | 5.5 | 6.5 | 6   |    |     | 5   | 5.5         | Năm phẩy Năm  |         |
| 2   | 152232933    | Hồ Thanh         | Tuấn   | K16KTR1                       |    |    |     | 5.5 | 5.5 | 6   |    |     | 4.5 | 5.0         | Năm           |         |
| 3   | 162233471    | Phạm Xuân        | Hà     | K16KTR1                       |    |    |     | 5   | 6   | 7   |    |     | 5   | 5.5         | Năm phẩy Năm  |         |
| 4   | 162233473    | Trương Việt Minh | Hải    | K16KTR1                       |    |    |     | 5   | 5   | 5   |    |     | 4.5 | 4.7         | Bốn phẩy Bảy  |         |
| 5   | 162233477    | Nguyễn Nhật      | Hân    | K16KTR1                       |    |    |     | 3   | 6.5 | 6   |    |     | 4   | 4.5         | Bốn phẩy Năm  |         |
| 6   | 162233481    | Trần Lý Quang    | Hào    | K16KTR1                       |    |    |     | 5.5 | 7.5 | 5.5 |    |     | 4.5 | 5.3         | Năm phẩy Ba   |         |
| 7   | 162233499    | Nguyễn Duy       | Hợp    | K16KTR1                       |    |    |     | 2   | 6   | 5.5 |    |     | 4   | 4.2         | Bốn phẩy Hai  |         |
| 8   | 162233511    | Đình Quốc        | Huy    | K16KTR1                       |    |    |     | 5.5 | 6   | 0   |    |     | 4.5 | 4.2         | Bốn phẩy Hai  |         |
| 9   | 162233535    | Đoàn Quang       | Minh   | K16KTR1                       |    |    |     | 2   | 3.5 | 3   |    |     | 3.5 | 0.0         | Không         |         |
| 10  | 162233559    | Nguyễn Duy       | Phúc   | K16KTR1                       |    |    |     | 5   | 6   | 6   |    |     | 4.5 | 5.0         | Năm           |         |
| 11  | 162233573    | Trần Hạ          | San    | K16KTR1                       |    |    |     | 4.5 | 2.5 | 6   |    |     | 4   | 4.2         | Bốn phẩy Hai  |         |
| 12  | 162233577    | Đặng Văn         | Tân    | K16KTR1                       |    |    |     | 5.5 | 6.5 | 6.5 |    |     | 4   | 5.0         | Năm           |         |
| 13  | 162233579    | Nguyễn Văn       | Tây    | K16KTR1                       |    |    |     | 5.5 | 6.5 | 6   |    |     | 4   | 4.9         | Bốn phẩy Chín |         |
| 14  | 162233590    | Nguyễn Quang     | Thành  | K16KTR1                       |    |    |     | 4.5 | 4.5 | 4   |    |     | 5   | 4.7         | Bốn phẩy Bảy  |         |
| 15  | 162233604    | Nguyễn Phạm Sơn  | Thủy   | K16KTR1                       |    |    |     | 5   | 4.5 | 0   |    |     | 4.5 | 3.9         | Ba phẩy Chín  |         |
| 16  | 162233627    | Nguyễn Bảo       | Trung  | K16KTR1                       |    |    |     | 5.5 | 6.5 | 6   |    |     | 4   | 4.9         | Bốn phẩy Chín |         |
| 17  | 162233634    | Trịnh Thanh      | Tùng   | K16KTR1                       |    |    |     | 6   | 6   | 6.5 |    |     | 2   | 0.0         | Không         |         |
| 18  | 162233465    | Hoàng Quốc       | Dũng   | K16KTR2                       |    |    |     | 4   | 5   | 7   |    |     | 4.5 | 4.9         | Bốn phẩy Chín |         |
| 19  | 162233485    | Trần Minh        | Hiển   | K16KTR2                       |    |    |     | 6.5 | 6.5 | 6   |    |     | 5   | 5.6         | Năm phẩy Sáu  |         |
| 20  | 162233489    | Phạm Ngọc        | Hiếu   | K16KTR2                       |    |    |     | 0   | 6.5 | 6   |    |     | 4   | 4.1         | Bốn phẩy Một  |         |
| 21  | 162233496    | Thái Bảo         | Hoàng  | K16KTR2                       |    |    |     | 0   | 5.5 | 5   |    |     | V   | 0.0         | Không         |         |
| 22  | 162233498    | Nguyễn Hồng      | Hoàng  | K16KTR2                       |    |    |     | 5   | 5   | 4   |    |     | 5   | 4.9         | Bốn phẩy Chín |         |
| 23  | 162233503    | Lưu Văn          | Hùng   | K16KTR2                       |    |    |     | 6.5 | 4   | 7   |    |     | 6.5 | 6.2         | Sáu phẩy Hai  |         |
| 24  | 162233525    | Nguyễn Quang     | Linh   | K16KTR2                       |    |    |     | 2   | 5   | 4   |    |     | 4.5 | 4.1         | Bốn phẩy Một  |         |
| 25  | 162233529    | Đặng Hoàng       | Long   | K16KTR2                       |    |    |     | 6.5 | 7   | 6.5 |    |     | 3.5 | 0.0         | Không         |         |
| 26  | 162233628    | Thái Lâm         | Trương | K16KTR2                       |    |    |     | 5   | 7   | 6   |    |     | 3.5 | 0.0         | Không         |         |
| 27  | 162236505    | Đặng Quốc        | Huy    | K16KTR2                       |    |    |     | 6.5 | 7   | 7   |    |     | 5   | 5.8         | Năm phẩy Tám  |         |
| 28  | 162236640    | Đặng Quang       | Luận   | K16KTR2                       |    |    |     | 5   | 4   | 5.5 |    |     | 4   | 4.4         | Bốn phẩy Bốn  |         |
| 29  | 162236709    | Ngô Thị          | Anh    | K16KTR2                       |    |    |     | 5.5 | 4   | 5.5 |    |     | 4   | 4.5         | Bốn phẩy Năm  |         |
| 30  | 162236916    | Lê Xuân          | Thành  | K16KTR2                       |    |    |     | 4   | 5   | 4   |    |     | 2.5 | 0.0         | Không         |         |
| 31  | 152232847    | Phan Như         | Thịnh  | K16KTR3                       |    |    |     | 3.5 | 5   | 5.5 |    |     | 5   | 4.9         | Bốn phẩy Chín |         |
| 32  | 152232891    | Nguyễn Anh       | Minh   | K16KTR3                       |    |    |     | 5.5 | 5   | 5   |    |     | 4.5 | 4.8         | Bốn phẩy Tám  |         |
| 33  | 162233439    | Nguyễn Đức       | Anh    | K16KTR3                       |    |    |     | 4   | 5   | 4.5 |    |     | V   | 0.0         | Không         |         |
| 34  | 162233444    | Phùng Quốc       | Bảo    | K16KTR3                       |    |    |     | 4   | 4   | 6.5 |    |     | 5   | 4.9         | Bốn phẩy Chín |         |

| BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO<br>TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN |                    |                       |         | DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR <sup>2/3</sup><br>MÔN : ĐẠI CƯƠNG MỸ HỌC * SỐ TÍN CHỈ : 03<br>MÃ MÔN : AES 251 |    |    |     |     |     |    |    |     |                | Học kỳ : 9<br>Lần thi : 2 |            |  |
|-------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|-----|-----|-----|----|----|-----|----------------|---------------------------|------------|--|
| Thời gian : 18h00 - 25/01/2015                  |                    |                       |         |                                                                                                                              |    |    |     |     |     |    |    |     |                |                           |            |  |
| STT                                             | MÃ<br>SINH<br>VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | LỚP     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP                                                                                                |    |    |     |     |     |    |    |     | ĐIỂM<br>T. KẾT |                           | GHI<br>CHÚ |  |
|                                                 |                    |                       |         | A                                                                                                                            | P  | Q  | H   | L   | M   | I  | G  | F   | SỐ             | CHỮ                       |            |  |
|                                                 |                    |                       |         | 0%                                                                                                                           | 0% | 0% | 15% | 15% | 15% | 0% | 0% | 55% |                |                           |            |  |
| 35                                              | 162233454          | Trần Văn Cường        | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 4   | 5   | 5   |    |    | 5.5 | 5.1            | Năm phẩy Một              |            |  |
| 36                                              | 162233466          | Nguyễn Thị Hường      | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 7.5 | 7.5 | 7.5 |    |    | 7   | 7.2            | Bảy phẩy Hai              |            |  |
| 37                                              | 162233470          | Nguyễn                | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 5   | 5   | 6   |    |    | 5   | 5.2            | Năm phẩy Hai              |            |  |
| 38                                              | 162233501          | Cao Mạnh Hùng         | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 5   | 5.5 | 6.5 |    |    | 4.5 | 5.0            | Năm                       |            |  |
| 39                                              | 162233505          | Nguyễn Khánh Hưng     | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 7   | 8   | 6.5 |    |    | 6   | 6.5            | Sáu phẩy Năm              |            |  |
| 40                                              | 162233526          | Lê Văn Lộc            | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 0   | 5.5 | 6.5 |    |    | 5.5 | 4.8            | Bốn phẩy Tám              |            |  |
| 41                                              | 162233534          | Hồ Thị Diễm Mi        | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 5.5 | 6.5 | 6   |    |    | 6.5 | 6.3            | Sáu phẩy Ba               |            |  |
| 42                                              | 162233537          | Phạm Hồng Minh        | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 4   | 5.5 | 5.5 |    |    | 5   | 5.0            | Năm                       |            |  |
| 43                                              | 162233545          | Lê Mỹ Ngân            | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 7   | 6.5 | 7   |    |    | 5   | 5.8            | Năm phẩy Tám              |            |  |
| 44                                              | 162233546          | Nguyễn Phước Nghĩa    | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 4   | 5.5 | 5   |    |    | 6.5 | 5.8            | Năm phẩy Tám              |            |  |
| 45                                              | 162233553          | Hồ Văn Nhân           | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 3   | 5   | 6.5 |    |    | 4.5 | 4.7            | Bốn phẩy Bảy              |            |  |
| 46                                              | 162233554          | Lê Thị Nhân           | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 6   | 7   | 7.5 |    |    | 5.5 | 6.1            | Sáu phẩy Một              |            |  |
| 47                                              | 162233558          | Nguyễn Trương Phú     | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 5.5 | 5   | 4.5 |    |    | 5   | 5.0            | Năm                       |            |  |
| 48                                              | 162233568          | Ngô Đình Quế          | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 6.5 | 4   | 6.5 |    |    | 5   | 5.3            | Năm phẩy Ba               |            |  |
| 49                                              | 162233569          | Lê Đức Quốc           | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 5   | 5   | 0   |    |    | 5.5 | 4.5            | Bốn phẩy Năm              |            |  |
| 50                                              | 162233572          | Trần Đình Quyết       | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 6   | 6.5 | 7   |    |    | 5   | 5.7            | Năm phẩy Bảy              |            |  |
| 51                                              | 162233576          | Lộ Thanh Tâm          | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 0   | 6   | 6   |    |    | 6.5 | 5.4            | Năm phẩy Bốn              |            |  |
| 52                                              | 162233583          | Trần Phước Thanh      | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 6   | 7   | 6.5 |    |    | 6   | 6.2            | Sáu phẩy Hai              |            |  |
| 53                                              | 162233603          | Phạm Thương Thương    | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 7   | 6.5 | 5   |    |    | 6   | 6.1            | Sáu phẩy Một              |            |  |
| 54                                              | 162233642          | Nguyễn Thê Vũ         | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 0   | 4   | 0   |    |    | 6.5 | 4.2            | Bốn phẩy Hai              |            |  |
| 55                                              | 162233643          | Võ Đình Vương         | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 4   | 5.5 | 5   |    |    | 5   | 4.9            | Bốn phẩy Chín             |            |  |
| 56                                              | 162236643          | Trần Thanh Tịnh       | K16KTR3 |                                                                                                                              |    |    | 5.5 | 5   | 6.5 |    |    | 6   | 5.9            | Năm phẩy Chín             |            |  |
| 57                                              | 152232947          | Phạm Văn Thành Đạt    | K16KTR4 |                                                                                                                              |    |    | 5   | 4   | 5   |    |    | 6.5 | 5.7            | Năm phẩy Bảy              |            |  |
| 58                                              | 152232970          | Trương Quang Duy      | K16KTR4 |                                                                                                                              |    |    | 0   | 3.5 | 6.5 |    |    | 7   | 5.4            | Năm phẩy Bốn              |            |  |
| 59                                              | 162233435          | Võ Ngọc Quỳnh Anh     | K16KTR4 |                                                                                                                              |    |    | 4   | 5.5 | 5.5 |    |    | 6   | 5.6            | Năm phẩy Sáu              |            |  |
| 60                                              | 162233457          | Võ Bá Danh            | K16KTR4 |                                                                                                                              |    |    | 3   | 4   | 0   |    |    | 6   | 4.4            | Bốn phẩy Bốn              |            |  |
| 61                                              | 162233476          | Phan Quốc Hân         | K16KTR4 |                                                                                                                              |    |    | 7   | 6   | 7   |    |    | 6   | 6.3            | Sáu phẩy Ba               |            |  |
| 62                                              | 162233482          | Nguyễn Nhật Hậu       | K16KTR4 |                                                                                                                              |    |    | 5   | 6   | 6   |    |    | 6   | 5.9            | Năm phẩy Chín             |            |  |
| 63                                              | 162233514          | Ngô Thái Quốc Khánh   | K16KTR4 |                                                                                                                              |    |    | 4   | 4   | 0   |    |    | 5.5 | 4.2            | Bốn phẩy Hai              |            |  |
| 64                                              | 142231442          | Nguyễn Kim Thịnh      | K14KTR1 |                                                                                                                              |    |    | 4   | 0   | 7   |    |    | 5   | 4.4            | Bốn phẩy Bốn              |            |  |
| 65                                              | 142234955          | Nguyễn Anh Tuấn       | K14KTR2 |                                                                                                                              |    |    | 0   | 5.5 | 6.5 |    |    | LP  | 0.0            | Không                     | Nợ LP      |  |
| 66                                              | 152232925          | Dương Công Định       | K16KTR  |                                                                                                                              |    |    | 0   | 0   | 0   |    |    | LP  | 0.0            | Không                     | Nợ LP      |  |
| 67                                              | 162233480          | Đinh Phương Hồng Hạnh | K16KTR1 |                                                                                                                              |    |    | 0   | 0   | 0   |    |    | LP  | 0.0            | Không                     | Nợ HP+LP   |  |
| 68                                              | 162233497          | Lê Bá Nhật Hoàng      | K16KTR1 |                                                                                                                              |    |    | 0   | 0   | 0   |    |    | LP  | 0.0            | Không                     | Nợ LP      |  |
| 69                                              | 162233594          | Đoàn Thượng Thi       | K16KTR1 |                                                                                                                              |    |    | 2   | 6.5 | 6   |    |    | LP  | 0.0            | Không                     | Nợ LP      |  |

Thời gian : 18h00 - 25/01/2015

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN       | LỚP     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP |    |    |     |     |     |    |    |     |     | ĐIỂM T. KẾT |          | GHI CHÚ |
|-----|--------------|-----------------|---------|-------------------------------|----|----|-----|-----|-----|----|----|-----|-----|-------------|----------|---------|
|     |              |                 |         | A                             | P  | Q  | H   | L   | M   | I  | G  | F   | SỐ  | CHỮ         |          |         |
|     |              |                 |         | 0%                            | 0% | 0% | 15% | 15% | 15% | 0% | 0% | 55% |     |             |          |         |
| 70  | 162236506    | Nguyễn Văn Mạnh | K16KTR3 |                               |    |    | 4   | 2   | 6   |    |    | LP  | 0.0 | Không       | Nợ LP    |         |
| 71  | 142234645    | Hồ Hoài Linh    | K16KTR4 |                               |    |    | 0   | 0   | 3.5 |    |    | LP  | 0.0 | Không       | Nợ HP+LP |         |
| 72  | 152232854    | Nguyễn Đình Phi | K16KTR4 |                               |    |    | 0   | 0   | 0   |    |    | LP  | 0.0 | Không       | Nợ HP+LP |         |
| 73  | 152232946    | Lê Minh Hải     | K16KTR4 |                               |    |    | 0   | 0   | 6   |    |    | LP  | 0.0 | Không       | Nợ HP+LP |         |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SỐ | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 56 | 77%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 17 | 23%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 73 | 100%  |         |

Đà Nẵng, 28/01/2015

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Võ Quốc Toàn

Trần Thị Lan Anh

Hồ Thế Vinh

Ths. Nguyễn Ân